

SỞ GD&ĐT TỈNH ĐẮK NÔNG
TRƯỜNG PTDTNT THCS &
THPT HUYỆN ĐẮK MIL

Số 06/KH-DTNTĐM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đắk Mil, ngày 28 tháng 02 năm 2025

**KẾ HOẠCH CHI HỌC BỔNG VÀ DỰ KIẾN THỰC ĐƠN HÀNG NGÀY
ÁP DỤNG TỪ 01/3/2025**

Số học sinh toàn trường: 227

NỘI DUNG THU, CHI

TT	NỘI DUNG	Số tiền/HS/ 1tháng	Số tiền/toàn trường/tháng
I	THU (bảng 227HS x 1.872.000 đ/HS)	1.872.000	424.944.000
II	CHI và DỰ PHÒNG (bảng 1+2+3+4+5)	1.872.000	424.944.000
1	Chi cho đồ dùng cá nhân, tiền ga cho toàn trường (phụ lục 1)	150.600	34.186.200
2	Chi tiền ăn 3 bữa (theo phụ lục 2)	1.685.714	382.657.000
3	Bổ sung thực phẩm ăn tươi		
4	Chi tiền mặt cho mỗi HS	50.000	11.350.000
5	Dự phòng	14.314	3.249.000

CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO KẾ HOẠCH CHI HỌC BỔNG

1 PHỤ LỤC 1: Chi cho mua đồ dùng cá nhân và mua ga nấu ăn trong 1 tháng/HS

STT	Nội dung chi	Đơn vị	Đơn giá	SL	Thành tiền
1	Xà bông giặt	gói	9.000	1	9.000
2	Kem đánh răng	hộp	15.000	1	15.000
3	Dầu gội clear 170ml	chai	60.000	1	60.000
4	Giấy vệ sinh se san	lốc	25.000	0.4	10.000
5	Nước rửa chén 2 lít	chai	45.000	0.12	5.400
6	Nước lau sàn Sunlight	chai	30.000	0.12	3.600
7	Xà bông cục lifeboy	cục	12.000	0.12	1.440
8	Sữa tắm chai lớn E100	chai	70.000	0.12	8.400
9	Vim 500ml	chai	23.000	0.12	2.760
10	Ga nấu ăn	kg	35.000	1	35.000
Tổng cộng					150.600

Ghi chú: Từ mục 4 đến mục 9 phát theo phòng ở

2. PHỤ LỤC 3: GIA VỊ (toàn trường/ngày)

STT	Tên thực phẩm	Đơn vị	Đơn giá	SL/ngày	Thành tiền
1	Dầu ăn Mezan	lít	43.000	4.5	193.500
2	Nước mắm đệ nhị (800ml)	chai	18.000	7	126.000
3	Muối Iốt	gói	6.000	3	18.000
4	Bột ngọt Ajinomoto (1kg)	gói	57.000	1	57.000
5	Aji - ngon (1kg)	gói	55.000	1	55.000
6	Màu	hũ	5.000	1.5	7.500

STT	Tên thực phẩm	Đơn vị	Đơn giá	SL/ngày	Thành tiền
7	Sa tế	hũ	7.000	1.5	10.500
8	Đường	kg	23.000	2	46.000
9	thịt xay	kg	140.000	3	420.000
10	gia vị tươi sống	kg	47.000	3	141.000
11	Tiêu xay	kg	150.000	0.2	30.000
	Tổng cộng				1.104.500

HIỆU TRƯỞNG



Hồ Tấn Đăng

Người lập

Kế toán: Nguyễn Thị Loan

PHỤ LỤC 2

DỰ KIẾN THỰC ĐƠN HÀNG NGÀY/TUẦN

ÁP DỤNG TỪ 01/3/2025

THỨ/	SÁNG				TRƯA					CHIỀU					THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
	Tên món	ĐV	SL	ĐG	Món	Thực phẩm	ĐV	SL	ĐG	Món	Thực phẩm	ĐV	SL	ĐG		
2	Bánh mì thịt	Cái	228	15.000	1) Cơm	Gạo	kg	41	17.500	1) Cơm	Gạo	kg	41	17.500		Tiêu
2					2) Thịt gà	thịt gà	kg	40	77.000	2) Thịt xay	thịt xay	kg	18	140.000		dùng
2	Sữa tươi	hộp	228	7.500	chiên mắm	gia vị xiu mại	gói	5	8.000	nhồi đậu	đậu khuôn	miếng	115	3.500		cho
2											nấm mèo	kg	0.5	120.000		cà
2											cà chua	kg	7	23.000		tuần
2					3) Cải ngọt	cải ngọt	kg	18	15.000						14.476.500	
2					xào											
2																
2					4) Canh	bí xanh	kg	11	22.000	4) Canh	mướp	kg	3	17.000		
2					bí xanh	hành lá	kg	1	25.000	tập tàng	rau dền	kg	2	15.000		
2											mồng toi	kg	2	15.000		
2						Gia vị	Túi	1	500.000		Gia vị	Túi	1	500.000		theo PL2
3	Xôi	Hộp	228	15.000	1) Cơm	Gạo	kg	41	17.500	1) Cơm	Gạo	kg	41	17.500		
3	chả giò				2) chả ram	chả ram tôm	kg	21	130.000	2) Thịt heo	thịt heo	kg	16	140.000		
3	dấm bông				tôm					kho trứng	trứng vịt	quả	115	3.500		
3																
3																
3					3) Cải thìa	cải thìa	kg	20	15.000	3) dưa chua	dưa chua	kg	15	19.000	12.399.500	
3					xào	/su su				xào						
3																
3					4) Canh	cà chua	kg	5	23.000	4) Canh	bí đỏ	kg	11	17.000		
3					cà chua trứng	đậu khuôn trắng	miếng	15	3.500	bí đỏ	đậu phụng	kg	0.5	45.000		
3						trứng gà	quả	70	3.000							
3						Gia vị	Túi	1	500.000		Gia vị	Túi	1	500.000		
4	Bún thịt	Hộp	228	15.000	1) Cơm	Gạo	kg	41	17.500	1) Cơm	Gạo	kg	41	17.500		
4	nướng				2) Tôm hấp	tôm to	kg	20	170.000	2) Thịt gà kho	thịt gà	kg	35	77.000		
4					rim											
4																
4																
4					3) Cải ngọt	Cải ngọt	kg	18	15.000	3) su su	su su	kg	16	14.000	12.881.000	

THỨ/	SÁNG				TRƯA					CHIỀU					THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
	Tên món	ĐV	SL	ĐG	Món	Thực phẩm	ĐV	SL	ĐG	Món	Thực phẩm	ĐV	SL	ĐG		
4					xào					xào	cà rốt	kg	4	22.000		
4																
4					4) Canh	cà chua	kg	2	23.000	4) Canh	bí xanh	kg	11	22.000		
4					chua	giá đậu	kg	2	11.000	bí xanh						
4						bạc hà	kg	3	13.000							
4						Gia vị	Túi	1	500.000		Gia vị	Túi	1	500.000		
5	Bánh bao	Cái	228	15.000	1) Cơm	Gạo	kg	41	17.500	1) Cơm	Gạo	kg	41	17.500		
5					2) Cá hấp	cá hấp	kg	35	60.000	2) Bò kho	thịt bò nạm	kg	20	160.000		
5					chiên:						gia vị bò	túi	1	40.000		
5																
5																
5					3) cải thảo/	cải thảo	kg	20	20.000	3) khoai tây,	khoai tây	kg	7	21.000	12.430.000	
5					su su xào	/su su				cà rốt xào	Cà rốt	kg	7	22.000		
5						thịt heo	kg	1.5	140.000							
5					4) Canh	cải ngọt	kg	8	15.000	4) Canh	quả bầu	kg	12	17.000		
5					cải ngọt					quả bầu						
5																
5						Gia vị	Túi	1	500.000		Gia vị	Túi	1	500.000		
6	Bún	Hộp	228	15.000	1) Cơm	Gạo	kg	41	17.500	1) Cơm	Gạo	kg	41	17.500		
6	thịt				2) Cá diêu	cá diêu hồng	kg	35	75.000	2) Thịt heo	Thịt heo	kg	22	140.000		
6	nướng				hồng kho	gia vị cá kho	gói	5	8.000	luộc.						
6																
6																
6					3) Cải thảo	cải thảo	kg	20	20.000	3) Đậu ve	đậu ve	kg	20	23.000	12.754.000	
6					xào					xào						
6																
6					4) Canh chua	cà chua	kg	2	23.000	4) Canh	bí đỏ	kg	11	17.000		
6						giá đậu	kg	2	11.000	bí đỏ						
6						bạc hà	kg	3	13.000							
6						Gia vị	Túi	1	500.000		Gia vị	Túi	1	500.000		
7	Bánh canh	Túi	228	15.000	1) Cơm	Gạo	kg	41	17.500	1) Cơm	Gạo	kg	41	17.500		
7	thịt				2) chả ram	chả ram tôm	kg	21	130.000	2) Chả	chả lụa	kg	18	140.000		

THỨ/	SÁNG				TRƯA					CHIỀU					THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
	Tên món	ĐV	SL	ĐG	Món	Thực phẩm	ĐV	SL	ĐG	Món	Thực phẩm	ĐV	SL	ĐG		
7					tôm					lụa						
7																
7																
7					3) Cải ngọt	cải ngọt	kg	18	15.000	3) xu hào	su hào	kg	15	23.000	12.161.000	
7					xào					xào	cà rốt	kg	4	22.000		
7																
7					4) Canh chua	cà chua	kg	3	23.000	4) Canh	bí đỏ	kg	11	17.000		
7						giá đậu	kg	2	11.000	bí đỏ	đậu phụng	kg	0.5	45.000		
7						đậu khuôn trắng	miếng	15	3.500							
7						Gia vị	Túi	1	500.000		Gia vị	Túi	1	500.000		
CN	Mì tôm, xúc xích	Tô	228	15.000	1) Cơm	Gạo	kg	41	17.500	1) Cơm	Gạo	kg	41	17.500		
CN					2) Trứng	trứng gà	quả	440	3.000	2) Thịt heo	thịt heo	kg	18	140.000		
CN					gà chiên:	hành lá	kg	1	25.000	kho	Nấm mèo	kg	1	120.000		
CN																
CN																
CN					3) rau muống	rau muống	kg	17	15.000	3) Quả bầu	quả bầu	kg	20	17.000	10.721.000	
CN					xào					xào						
CN																
CN					4) Canh	mướp	kg	3	17.000	4) Canh	cải thảo	kg	8	20.000		
CN					tập tàng	rau dền	kg	2	15.000	cải thảo						
CN						mồng toi	kg	3	15.000							
CN						Gia vị	Túi	1	500.000		Gia vị	Túi	1	500.000		
		Tổng 1 tuần													87.823.000	

Người lập
Trưởng ban đời sống



Thái Thị Hồng Quý